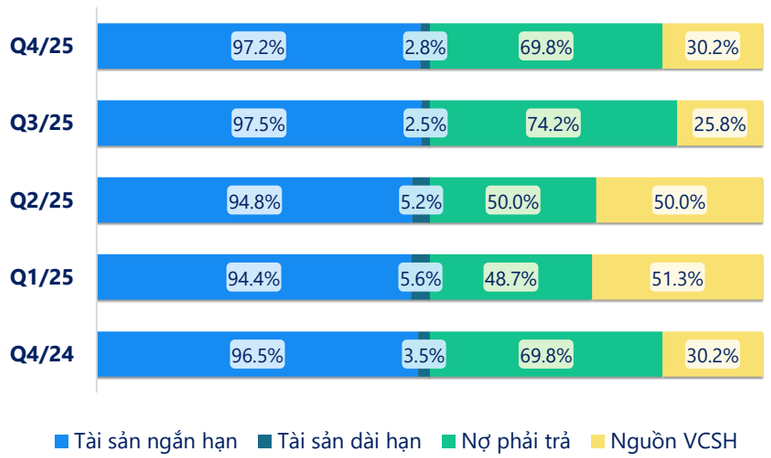
FireAnt

CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
SL cổ phiếu LH	7,893,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	79,030
% sở hữu nước ngoài	4.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
P/E	16.3
EPS	435

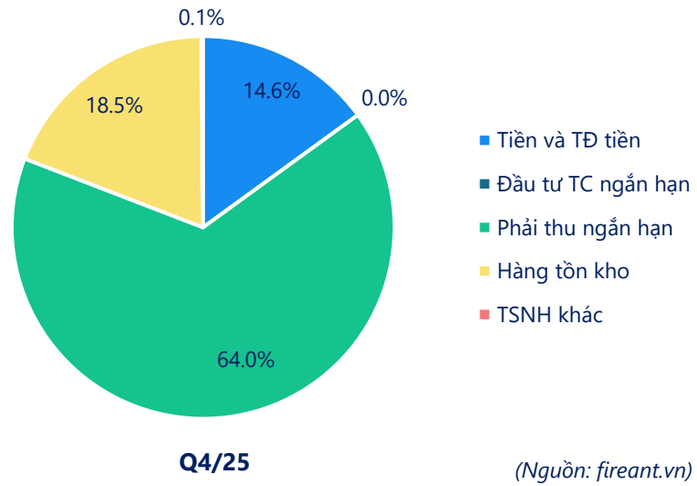
	YTD	1T	3T	6T
ONE	42.0%	34.0%	31.5%	36.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



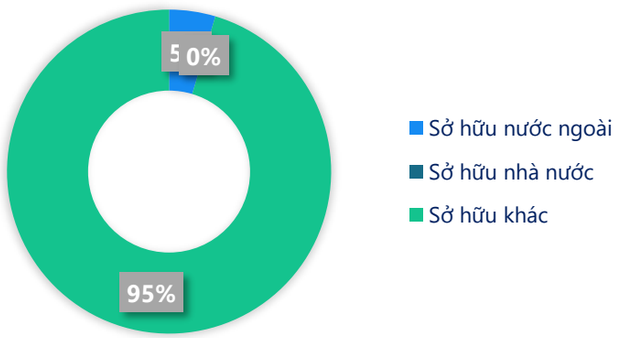
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



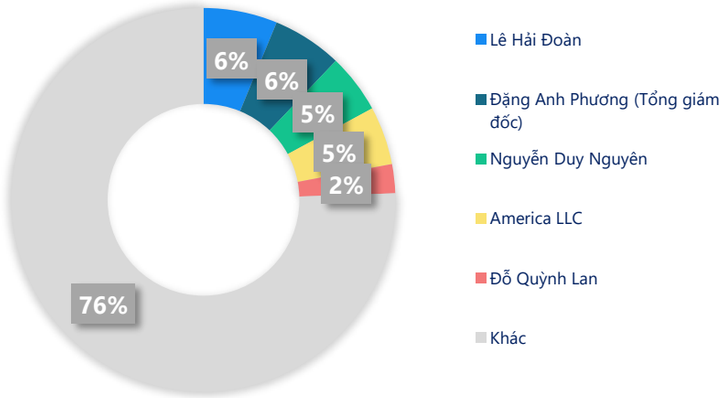
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



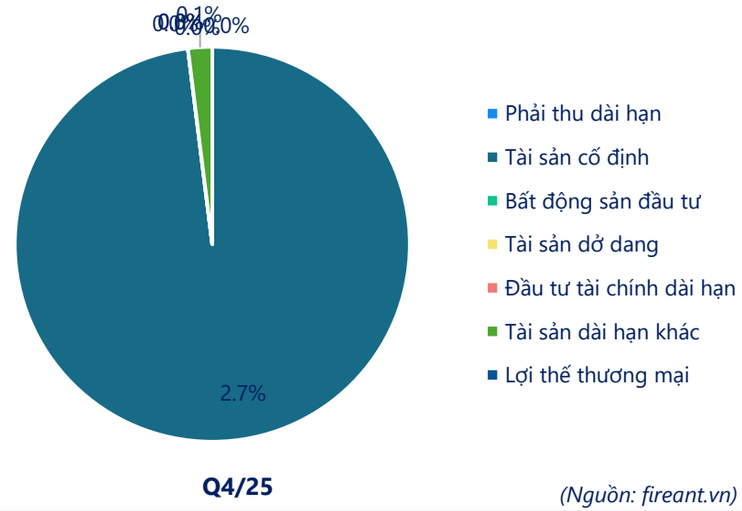
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

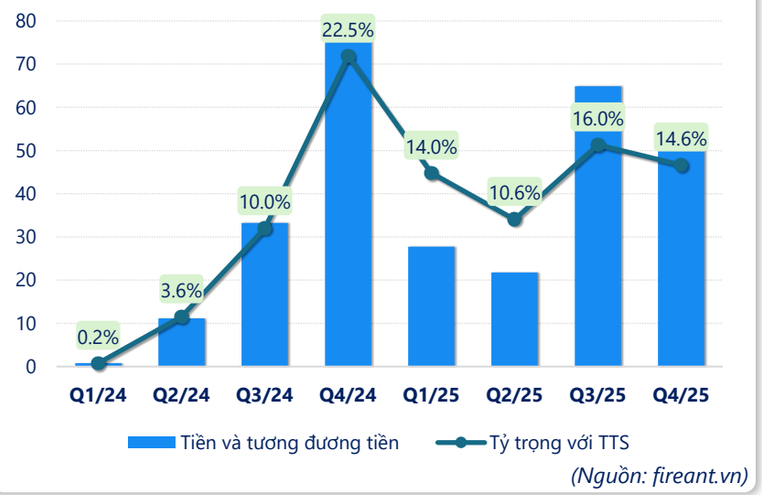


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

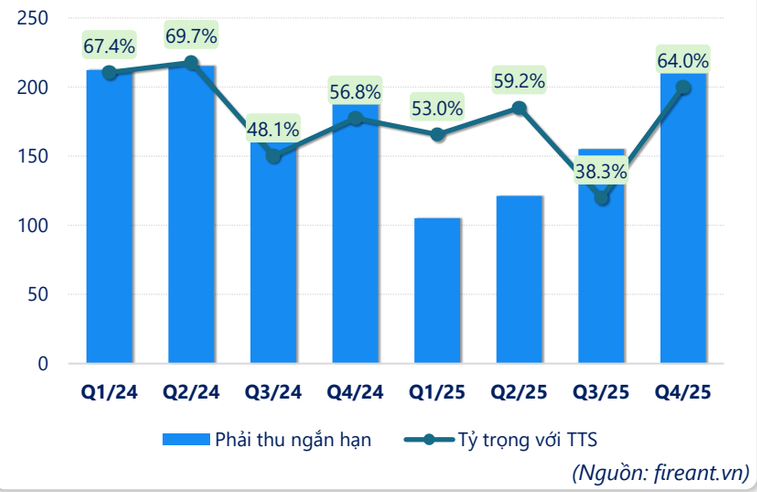
CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

Tiền và tương đương tiền



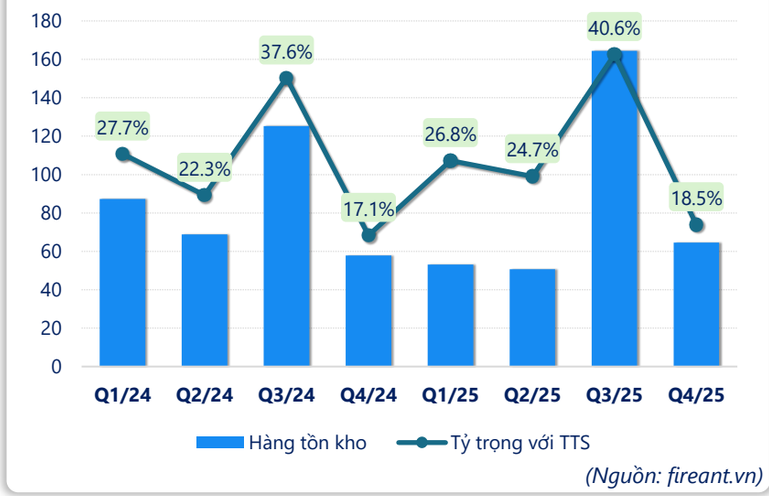
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



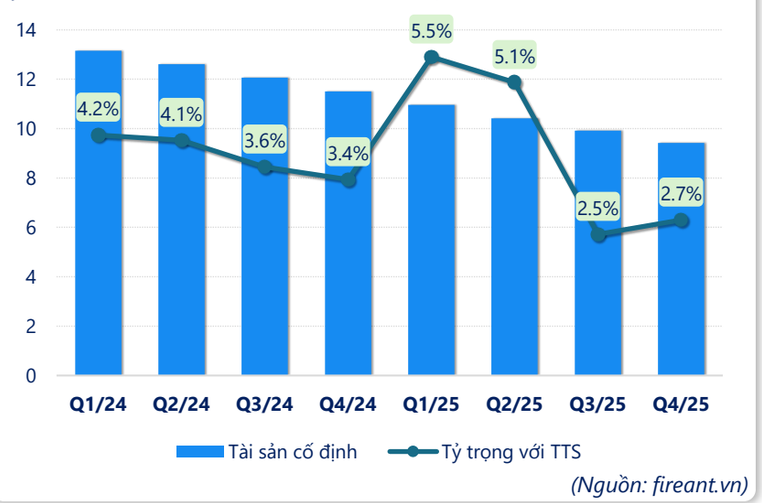
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



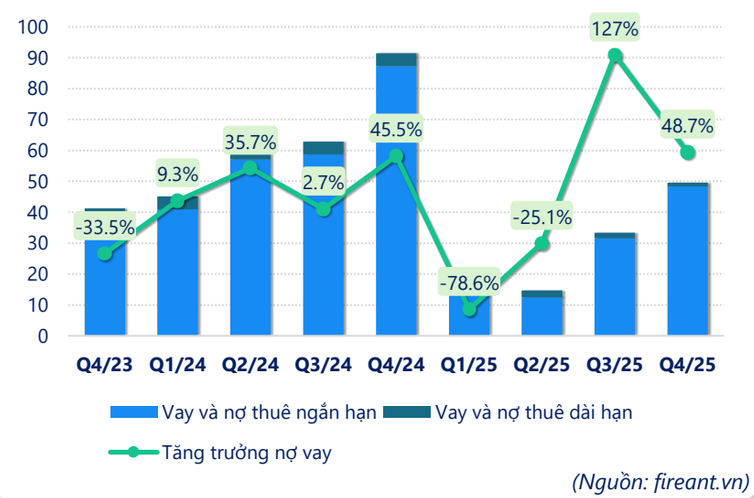
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



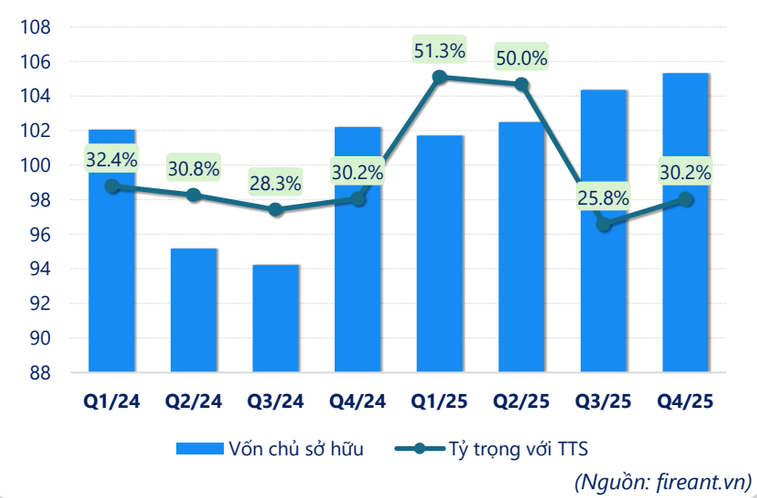
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

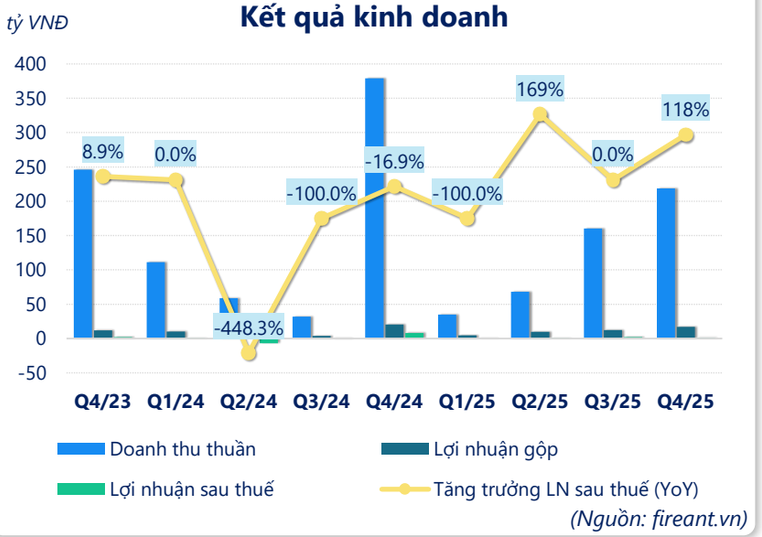


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

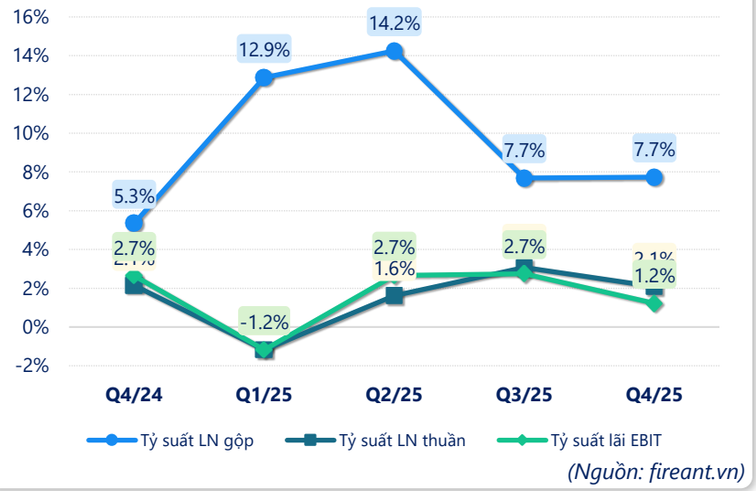
CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

Kết quả kinh doanh



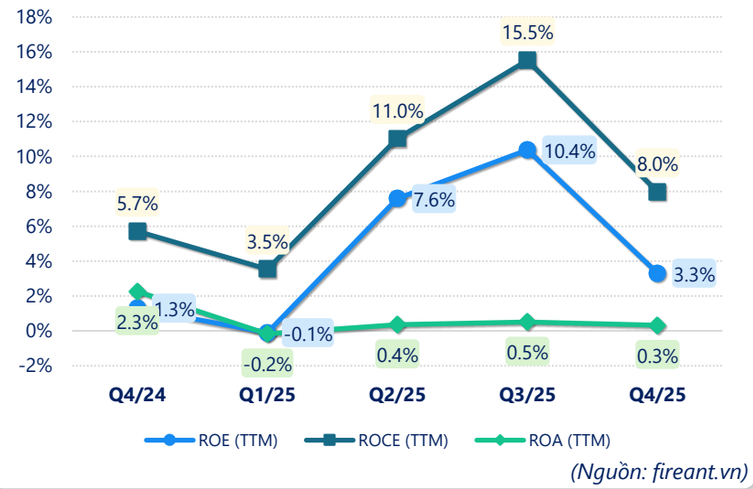
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



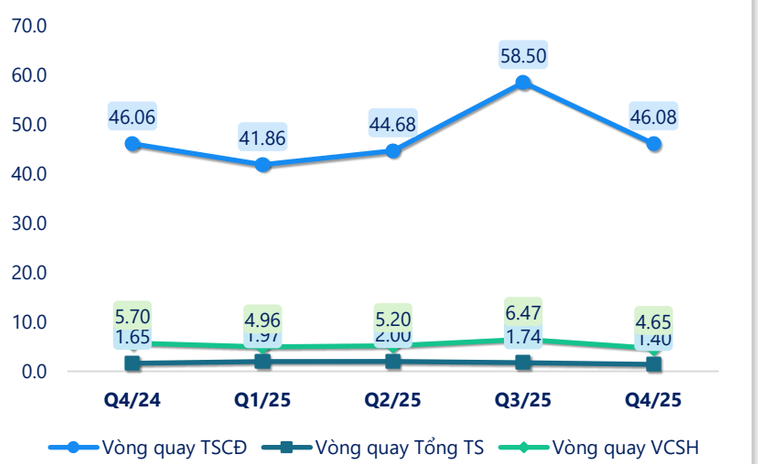
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



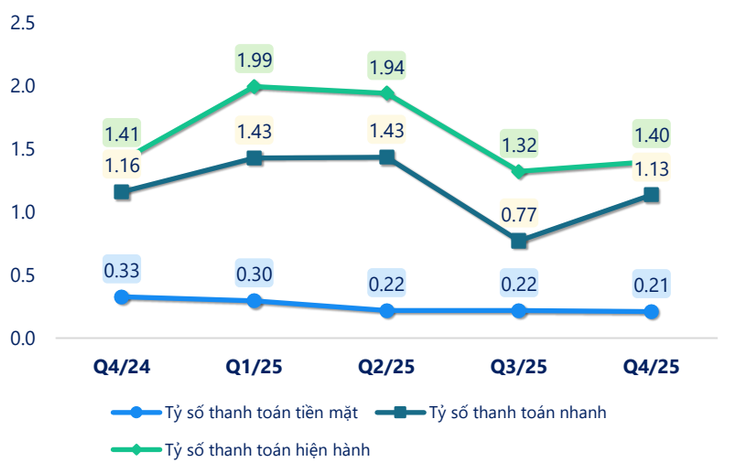
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



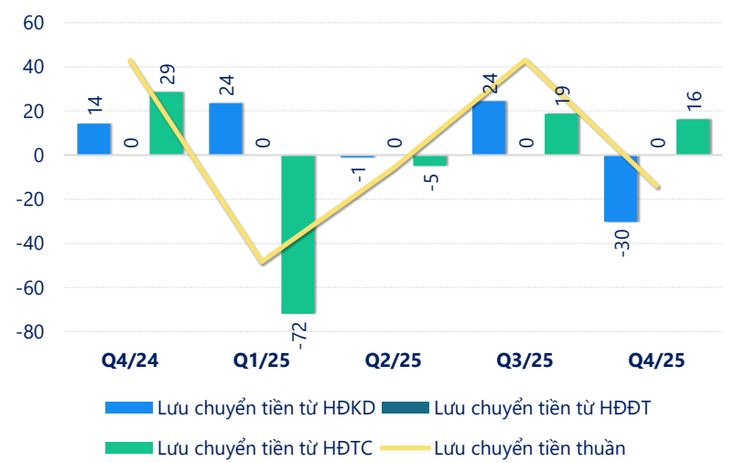
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**349**	**338**	**3.1%**
Tài sản ngắn hạn	339	327	3.9%
Tiền và tương đương tiền	50.9	76.0	-33.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	224	193	16.0%
Hàng tồn kho	64.5	57.6	12.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.50	0.49	2.5%
Tài sản dài hạn	**9.61**	**11.7**	**-18.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.42	11.5	-18.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.19**	**0.21**	**-11.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	244	236	3.1%
Nợ ngắn hạn	**242**	**233**	**4.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	48.3	88.2	-45.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	161	123	31.4%
Nợ dài hạn	1.27	3.19	-60.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.27	3.19	-60.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**105**	**102**	**3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**105**	**102**	**3.1%**
Vốn điều lệ	79.6	79.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	379	35.1	68.3	160	219
Giá vốn hàng bán	359	30.6	58.5	148	202
Lợi nhuận gộp	20.3	4.52	9.73	12.3	16.9
Doanh thu HĐTC	0.01	0.18	0.01	0.15	0.65
Chi phí TC	3.10	0.23	1.00	0.77	0.57
Chi phí lãi vay	1.62	0.02	0.72	0.77	0.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.38	0.45	0.96	0.46	2.18
Chi phí QLDN	8.68	4.43	6.68	6.33	10.2
LN thuần từ HĐKD	8.11	-0.41	1.11	4.93	4.58
Lợi nhuận khác	0.31	-0.02	-0.01	-1.29	-2.48
LN trước thuế	8.43	-0.43	1.10	3.63	2.10
Lợi nhuận sau thuế	7.97	-0.43	0.91	1.86	1.10
LNST của CĐ cty mẹ	7.97	-0.43	0.91	1.86	1.10

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.2	23.6	-1.02	24.4	-30.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0.00	0.00	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	28.6	-71.8	-4.93	18.7	16.2
Tiền đầu kỳ	33.2	76.0	27.7	21.8	64.9
Lưu chuyển tiền thuần	**42.8**	**-48.3**	**-5.95**	**43.1**	**-13.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	76.0	27.7	21.8	64.9	50.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic